

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 17,600 VNĐ |         |         |
| 31/03/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | -3.3%      | 6.7%    | 4.8%    |

|                       |                 |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch         | HNX             |
| Khoảng giá 52 tuần    | 11,596 - 27,500 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)      | 178             |
| Số lượng CPLH (CP)    | 10,139,997      |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 750             |
| Sở hữu nước ngoài     | 0.3%            |
| Beta                  | 0.45            |
| EPS                   | 461             |
| P/E                   | 38.2            |

DT thuần

Q1/24

167

tỷ VNĐ

QoQ: ▼198| -54.2%

YoY: ▼86.0| -34.0%

LN trước thuế

Q1/24

-57.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼102| -230%

YoY: ▼34.1| -144%

LN sau thuế

Q1/24

-57.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼99.0| -239%

YoY: ▼31.8| -123%

ROA

2023

1.9%

+/- YoY: ▼ 1.7%

DT thuần

2023

1,342

tỷ VNĐ

YoY: ▼212| -13.7%

LN trước thuế

2023

26.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼35.5| -57.2%

LN sau thuế

2023

19.8

tỷ VNĐ

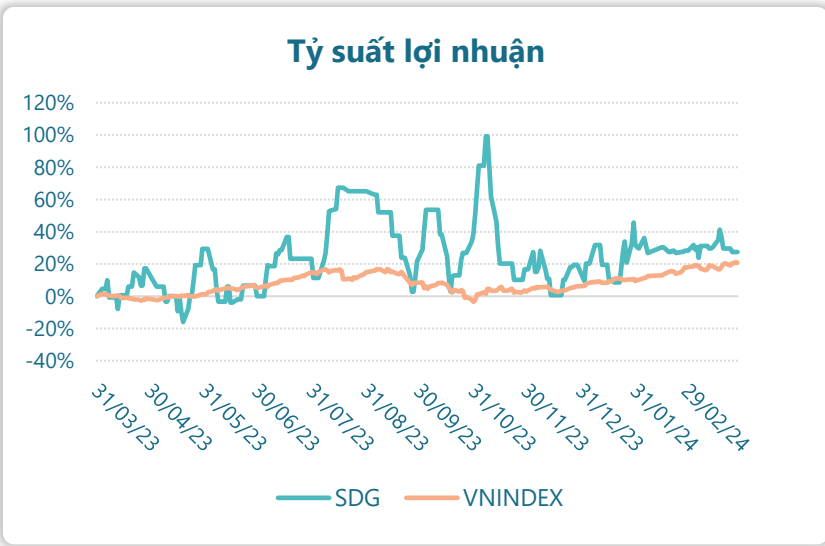
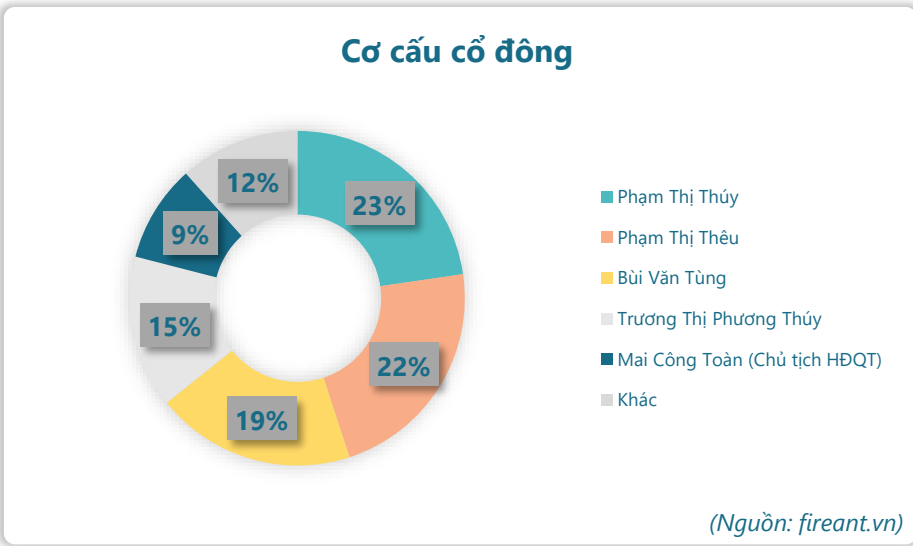
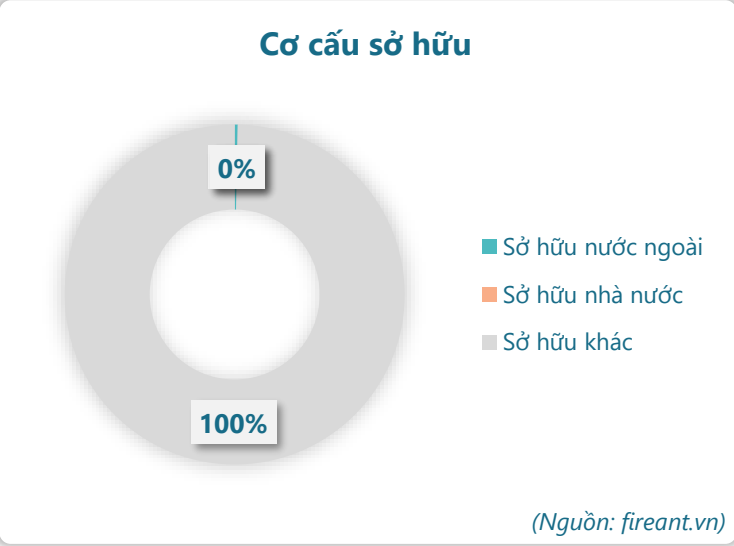
YoY: ▼29.3| -59.7%

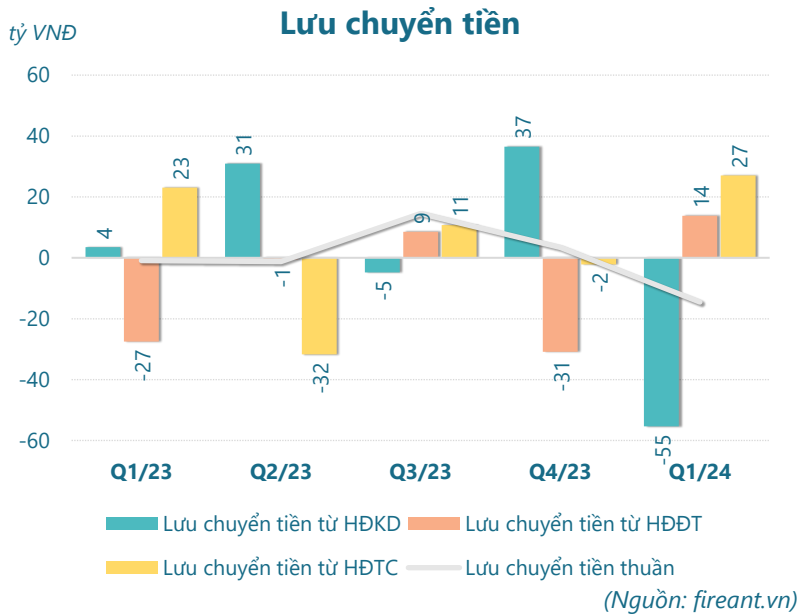
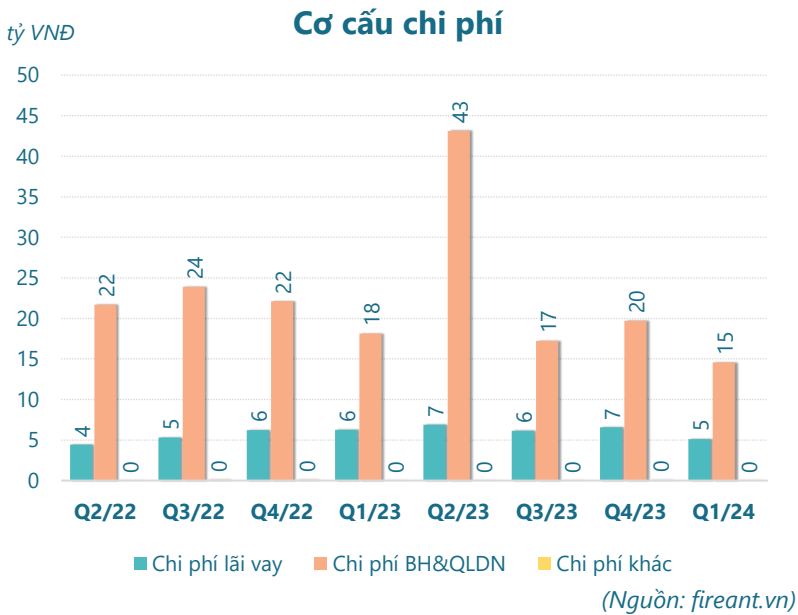
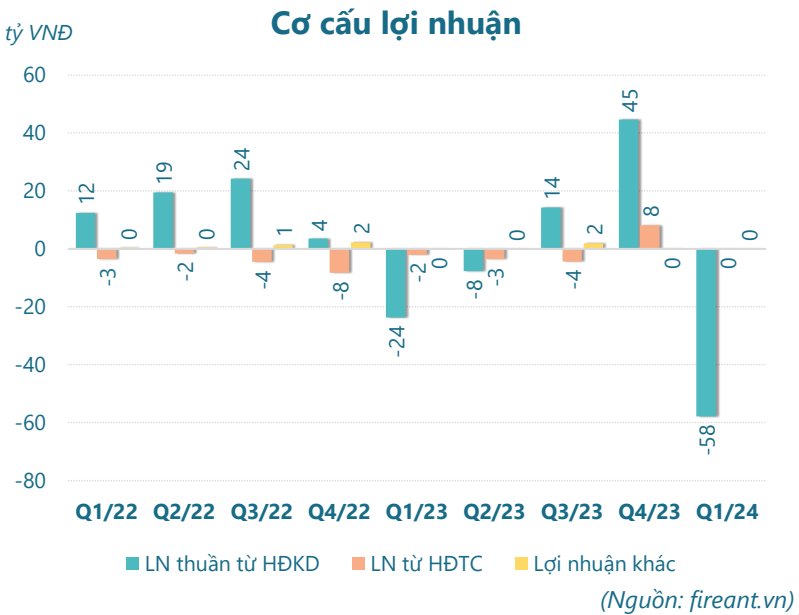
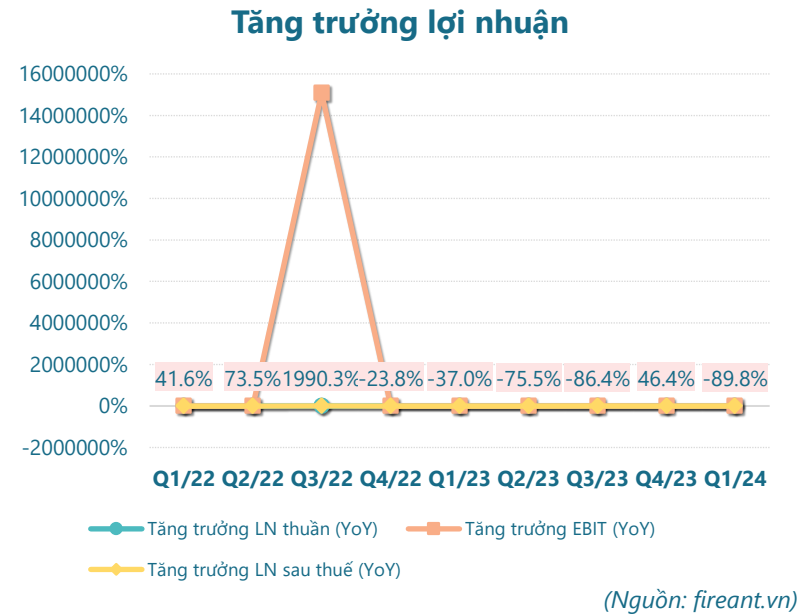
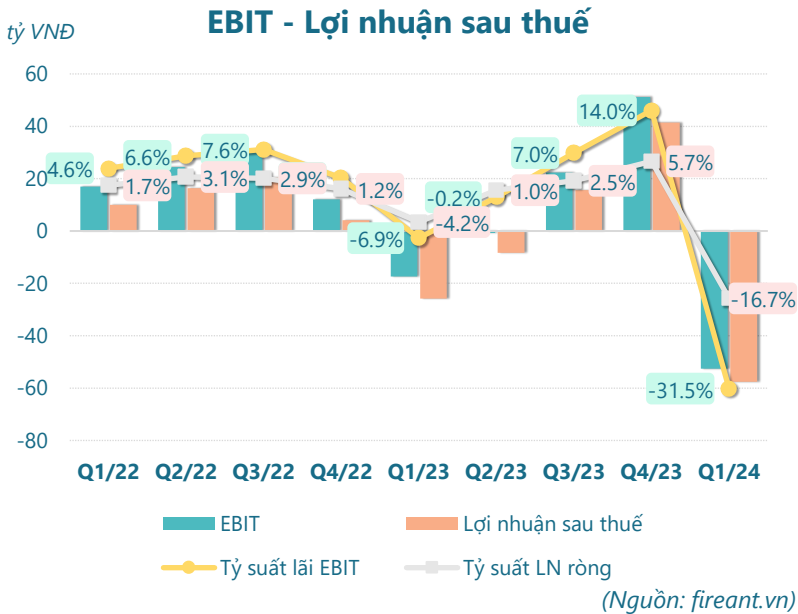
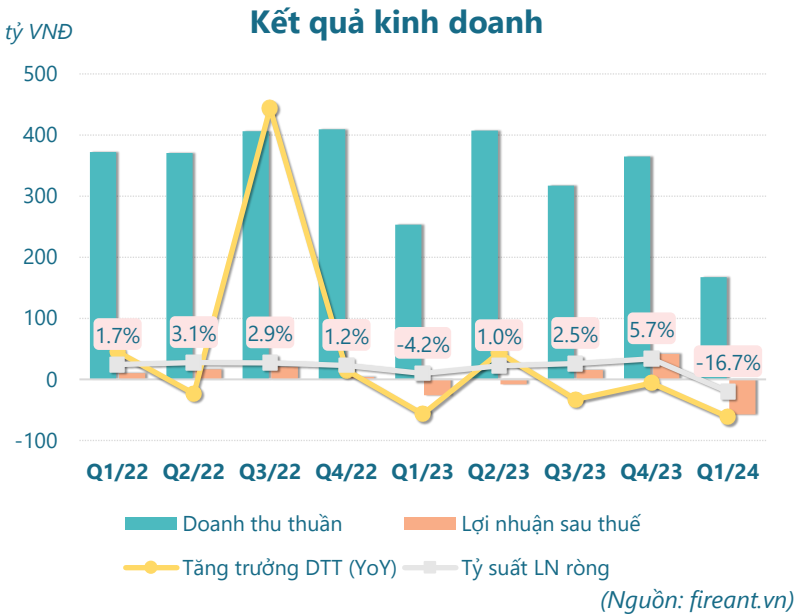
ROE

2023

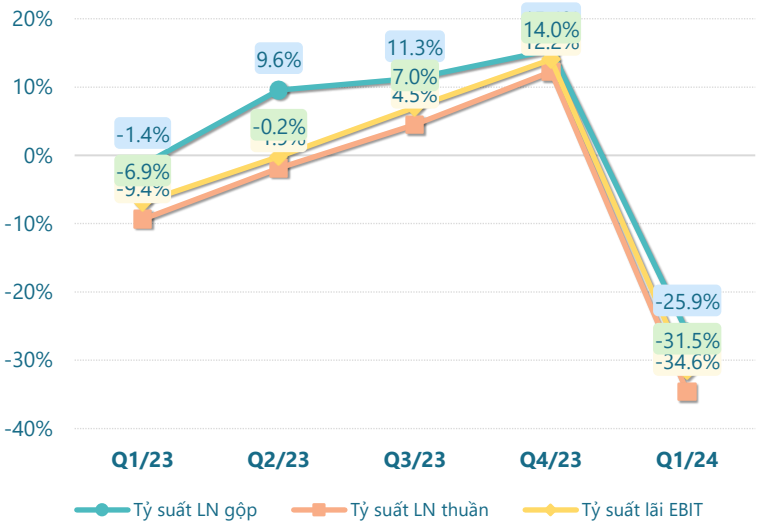
4.2%

+/- YoY: ▼ 2.8%



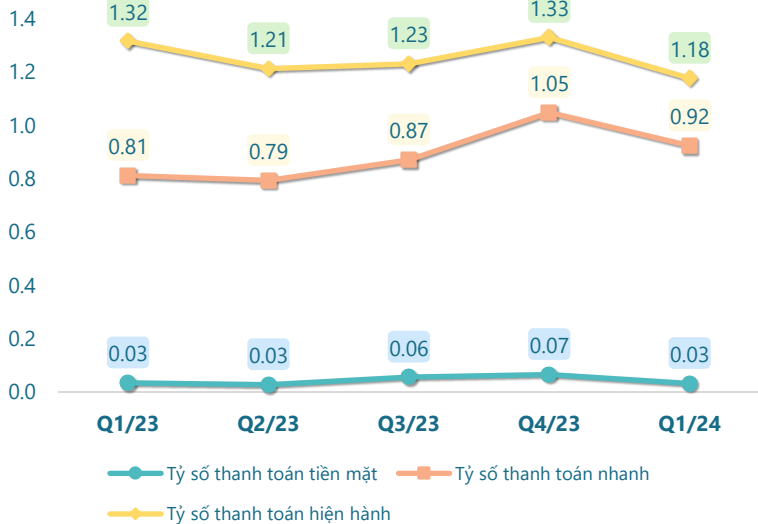


Tỷ suất lợi nhuận



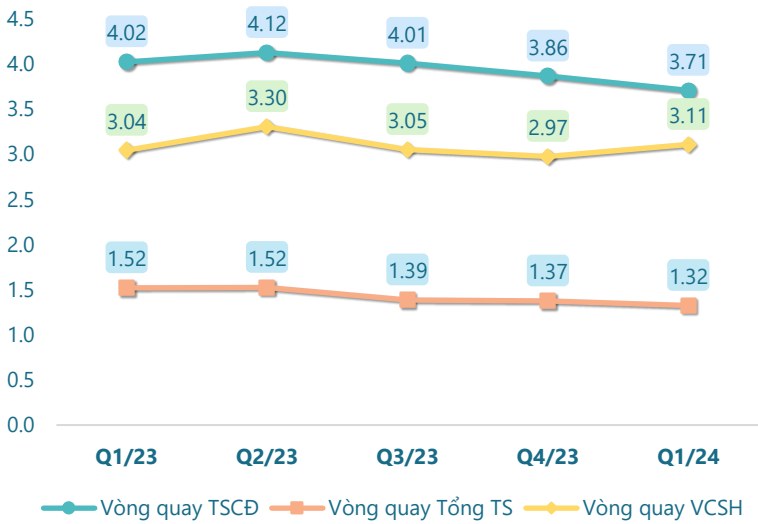
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



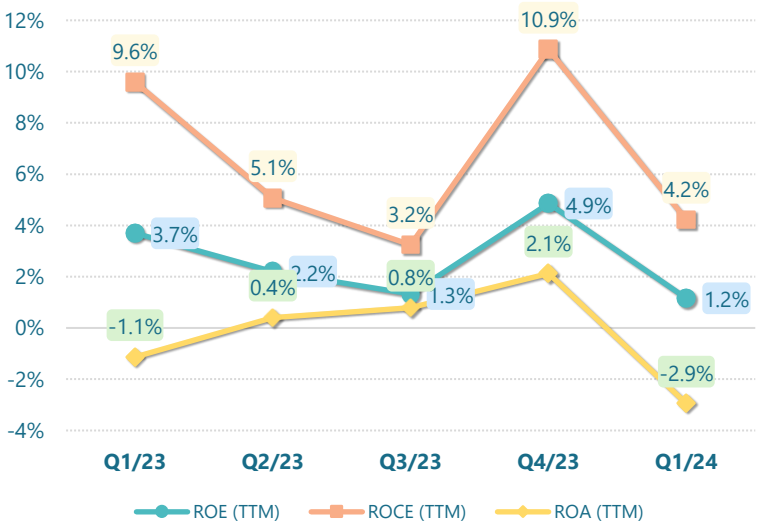
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



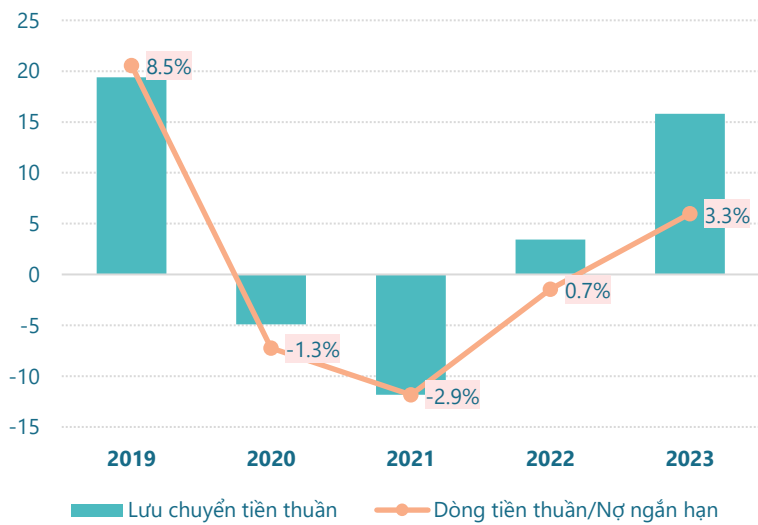
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



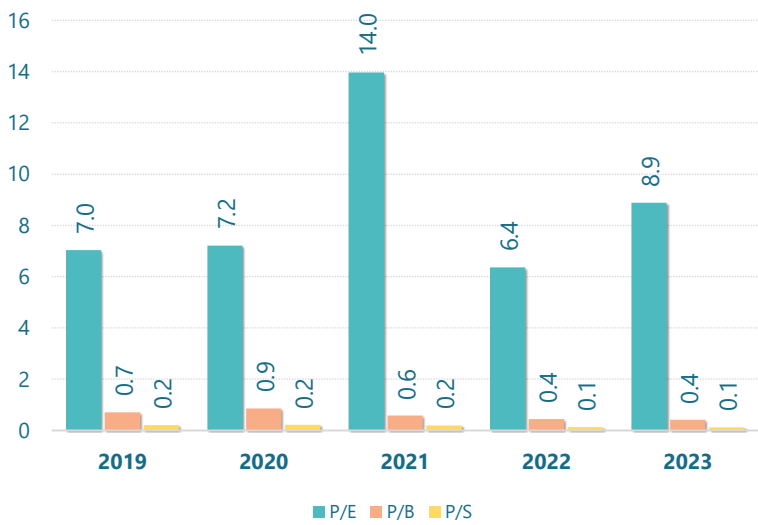
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)